

Bản án số: 433/2018/DS-PT
Ngày: 03/5/2018
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 540/DSPT, ngày 27 tháng 10 năm 2017 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 358/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị ông Mai Đăng K là bị đơn kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1647/2018/QĐ-PT, ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: 130 đường L, phường C, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Tổng Giám đốc.

Ông Võ Minh T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân K - Chuyên viên pháp lý, Phòng Pháp chế. (Theo Quyết định Ủy quyền số 84/QĐ-A-PC, ngày 24/01/2018).

Địa chỉ: 155 đường N, phường B, Quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Mai Đăng K. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: 436B/126 Đường C, phường N, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T2. Sinh năm 1982.

Địa chỉ: 585/21/2 đường T, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 23/8 đường S, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 001446, ngày 19/01/2017 tại Phòng Công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc Đ.

Địa chỉ: 388 đường S, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn có mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ hai lần giấy triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2016 và tại các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày như sau:

Ngày 17/9/2013, ông Mai Đăng K và Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 59/TC140/2013 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng).

Nội dung hợp đồng: Ngân hàng A cho ông K vay tiền qua tài khoản thẻ số 0102818482 với hạn mức thấu chi là 800.000.000 đ (Tám trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1,35%/tháng, lãi quá hạn bằng 1,5 lần lãi trong hạn.

Việc thực hiện hợp đồng: Ngày 17/9/2013 đến ngày 19/9/2014 ông K đã thực hiện giao dịch với số tiền 799.963.284 đ (Bảy trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng) trong tài khoản thấu chi của mình. Sau khi giao dịch số tiền trên thì ông K trả được cho Ngân hàng 28.954.547 đ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng) và tiền lãi phát sinh, ngoài ra không còn trả khoản tiền nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Đăng K thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 799.963.284 đ (Bảy trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 17/9/2014 là 102.317.469 đ (Một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi quá hạn tính tạm tính đến ngày 21/9/2017 là 593.972.750 đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm chục đồng). Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi ông K thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Mai Đăng K có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quá trình ký Hợp đồng cũng như việc ông Mai Đăng K thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như Ngân hàng A trình bày.

Tuy nhiên, việc ông K ký hợp đồng trên là do năm 2013 ông K mua 100.000 cổ phiếu từ ông Nguyễn Ngọc Đ là cổ đông của Ngân hàng A nhưng do không đủ

tiền, nên được Ngân hàng cho vay bằng hình thức thấu chi và dùng chính cổ phiếu này làm tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay thấu chi này. Quá trình ký kết hợp đồng cũng như thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu diễn ra cùng một ngày với các chứng từ, biểu mẫu do Ngân hàng chuẩn bị sẵn để ông Mai Đăng K ký. Khi hết hạn thấu chi ông K có liên hệ với Ngân hàng để yêu cầu chốt công nợ và tiền lãi nhưng Ngân hàng không trả lời.

Nay nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là giao dịch do nguyên đơn tự thực hiện và bị đơn ông K không hề thực hiện giao dịch nào đối với tài khoản thấu chi này. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Tòa án sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 358/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Mai Đăng K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền nợ theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 59/TC140/2013 tổng cộng là 1.496.253.503 đồng, trong đó nợ gốc: 799.963.284 đồng, tiền lãi trong hạn là 102.317.469 đồng, tiền lãi quá hạn là 593.972.750 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 22/9/2017 cho đến khi ông Mai Đăng K thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng số 59/TC140/2013 ngày 17/9/2013 của Ngân hàng A.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 56.887.605 đồng, ông Mai Đăng K chịu.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.981.516 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000866 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 02/10/2017 bị đơn ông Mai Đăng K kháng cáo với nội dung:

Kháng cáo toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 358/2017/DS-ST, ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận K. Vì trong quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử đã không xem xét đánh giá một cách khách quan, toàn diện về việc vi phạm điều cấm pháp luật của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký giữa Ngân hàng A và bị đơn, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mai Đăng K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng:

Việc chuyển nhượng cổ phiếu và hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được tiến hành trong cùng một ngày là không bình thường. Hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ này có thể chấp, cầm cố nhưng không có giao dịch đảm bảo, các bên ký kết hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, ông đề nghị tuyên bố hợp đồng tín dụng này là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Việc Công ty Cổ phần chứng khoán A và ông Mai Đăng K ký hợp đồng chuyển nhượng sớm hay muộn là do hai bên, phù hợp với pháp luật. Ngân hàng cho ông K vay tiền có ưu đãi vì ông K là cổ đông nên Ngân hàng mới ký hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ, hợp đồng này là hợp đồng tín dụng thông thường không có thể chấp cầm cố. Nay nguyên đơn đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của ông Mai Đăng K nằm trong thời hạn luật định, ông K đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Xét Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 59/TC140/2013 ngày 17/9/2013 giữa một bên là Ngân Hàng A và một bên là ông Mai Đăng K thì đây là một văn bản pháp lý ràng buộc và phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ hợp đồng vay nợ. Đây là hợp đồng vay nợ xuất phát từ sự tự nguyện của các bên và không trái quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại Điều 3 của Hợp đồng quy định hình thức bảo đảm thấu chi được đánh dấu vào ô “Thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu A”. Đại diện nguyên đơn cho rằng đây là hình thức thấu chi tài khoản thẻ không có thế chấp, cầm cố tài sản đảm bảo vì căn cứ vào thời điểm ông K đề nghị cấp hạn mức thấu chi thì ông K đang sở hữu cổ phần của Ngân hàng A nên Ngân hàng đánh dấu vào ô này để phù hợp với nội dung trong Giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi của ông K và để phân biệt với nhóm khách hàng khác. Giữa Ngân hàng và ông K không có ký kết một giao dịch đảm bảo nào về thế chấp, cầm cố tài sản cũng như không có tài liệu bàn giao bản chính giấy chứng nhận sở hữu cổ phần theo quy định pháp luật về cầm cố, thế chấp.

Đại diện bị đơn xác nhận Ngân hàng dùng chính 100.000 cổ phiếu A của ông K làm tài sản đảm bảo cho khoản thấu chi này. Ông cũng thừa nhận ngoài hợp đồng này ra hai bên không có ký bất kỳ văn bản nào khác liên quan đến cầm cố, thế chấp tài sản đảm bảo này. Do Ngân hàng đang thế chấp, cầm cố số cổ phiếu trên nên ông cũng không có tranh chấp cũng như không yêu cầu đưa Công ty Chứng khoán Ngân hàng A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bị đơn cho rằng theo Điều 4.2 của Hợp đồng về xử lý tài sản đảm bảo quy định “Quá thời hạn mà chủ thẻ không thanh toán thì Ngân hàng A sẽ áp dụng các biện pháp pháp lý để thu hồi nợ, kể cả biện pháp xử lý tài sản của chủ thẻ do Ngân hàng quản lý mà không cần có trước sự đồng ý của chủ thẻ”, nên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền xử lý toàn bộ số cổ phiếu của bị đơn để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự về việc đăng ký biện pháp bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật và tại Điều 12 về đăng ký giao dịch bảo đảm của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định các trường hợp phải đăng ký giao dịch bảo đảm không có quy định phải đăng ký giao dịch bảo đảm đối với giấy tờ có giá và tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định này quy định giấy tờ có giá gồm cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu nên trong hợp đồng đánh dấu ô thế chấp, cầm cố 100.000 cổ phiếu A và các bên đều xác nhận không có ký hợp đồng giao dịch bảo đảm nào đối với 100.000 cổ phần này cũng như không có thỏa thuận nào khác. Điều này không trái với quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm nên có cơ sở chấp nhận đây là hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ không có tài sản đảm bảo. Xét đại diện bị đơn yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để trả nợ và nguyên đơn không yêu cầu giải quyết tài sản đảm bảo này, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quyền của nguyên đơn khi bị đơn

vi phạm nghĩa vụ nhưng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tài sản đảm bảo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy Căn cứ Hợp đồng số 59/TC140/2013 ngày 17/9/2013 và bản sao kê tài khoản thẻ của ông K, cũng như lời khai nhận tại phiên tòa của đại diện bị đơn có cơ sở xác định ông K đã sử dụng hạn mức thấu chi là 799.963.284 đồng đối với tài khoản thẻ số 0102818482. Đại diện bị đơn cho rằng toàn bộ giao dịch từ tài khoản của ông K đối với số tiền này đều do Ngân hàng tự thực hiện ông K không biết. Tuy nhiên, ông xác định cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự việc này. Từ phân tích trên có cơ sở xác định bị đơn ông K còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 799.963.284 đồng là có căn cứ.

Về yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn là 102.317.469 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 21/9/2017 là 593.972.750 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất thấu chi trong hạn là 1.35%/tháng, lãi suất thấu chi quá hạn là 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Xét thấy, đến kỳ hạn trả nợ ngày 17/9/2014, phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn từ ngày 18/9/2014 phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn tại Điều 2.2 và Điều 4.1.3 của Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 59/TC140/2013 ngày 17/9/2013.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng Ngân hàng A là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình Quyết định số 1523/QĐ-A ngày 06/8/2013 quyết định về việc ban hành khung lãi suất cho vay đối với các đối tượng không đáp ứng tiêu chí theo hướng dẫn HD-TD-023 trong đó quy định cho vay thấu chi thẻ dành cho cổ đông của Ngân hàng A là 16,20%/năm. Căn cứ

những quy định trên, nên nội dung thỏa thuận của hai bên về lãi suất trong hạn là 16,2%/năm và lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở và không được chấp.

Từ phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở và không được chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí phúc thẩm bị đơn phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 293; Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Đăng K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc ông Mai Đăng K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A số tiền nợ theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 59/TC140/2013, tổng cộng là 1.496.253.503 đ (Một tỉ bốn trăm chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ba nghìn năm trăm lẻ ba đồng). Trong đó nợ gốc là 799.963.284 đ (Bảy trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 102.317.469 đ (Một trăm lẻ hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng), tiền lãi quá hạn là 593.972.750 đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm năm chục đồng).

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 22/9/2017 cho đến khi ông Mai Đăng K thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng số 59/TC140/2013 ngày 17/9/2013 của Ngân hàng A và ông Mai Đăng K.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 56.887.605 đ (Năm mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm lẻ năm đồng), ông Mai Đăng K chịu.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.981.516 đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm tám mươi một nghìn năm trăm mười sáu đồng), theo biên lai thu tiền số 0000866, ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Mai Đăng K phải nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Mai Đăng K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001723, ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận K là xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận K (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận K (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu (12). (25b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân